

Kiểm Điểm Hiện Tình Kinh Tế Việt-Nam 2004-2006

Nguyễn Quốc Khải
Bài thuyết trình tại Đại Hội MLNQ Kỳ VII

Việt-Nam sắp gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (World Trade Organization - WTO) rất có thể vào năm 2006. Đây là thời điểm thuận tiện để kiểm điểm tình hình kinh tế Việt-Nam sau 15 năm “Cởi Trói” và 5 năm “Đổi Mới”. Nói chung kinh tế của Việt-Nam tiếp tục tăng trưởng khả quan, nhưng không quân bình cho mọi vùng. Vì vậy cách biệt giàu nghèo gia tăng. Việc cải tổ khu vực quốc doanh bao gồm cả những ngân hàng thương mại của nhà nước tiến hành chậm. Các cuộc thương thuyết song phương trong khuôn khổ WTO đạt được nhiều tiến bộ, nhưng Việt-Nam có rất ít hy vọng gia nhập Cơ Quan Thương Mại Quốc Tế này vào cuối năm 2005. Mục tiêu 2006 thực tế hơn.

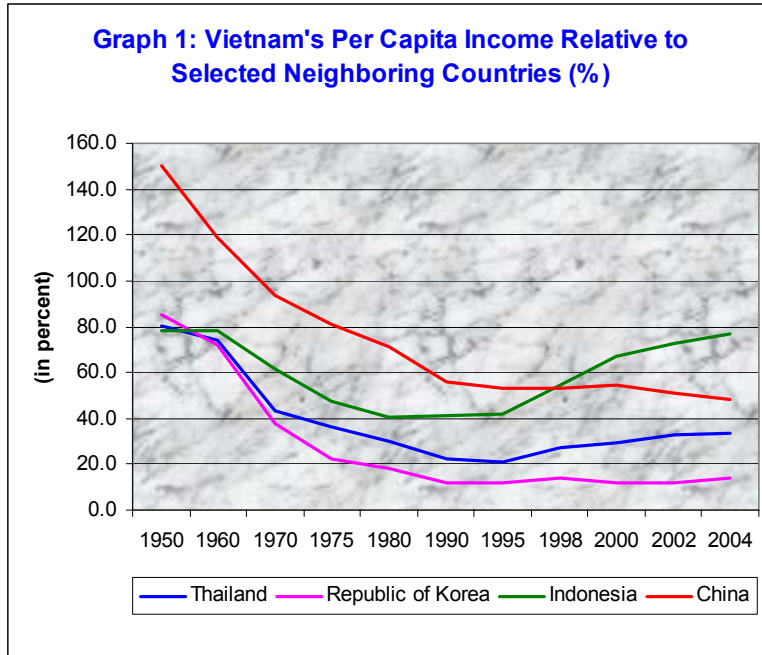
Vì giới hạn về số trang, bài viết này chỉ đề cập đến hai khu vực chính là kinh tế quốc nội và ngoại thương. Dưới hai danh mục này là một số vấn đề quan trọng sẽ được thảo luận như mức tăng trưởng vĩ mô, cấu trúc kinh tế, tình trạng nghèo đói, nạn lạm phát, mức sản xuất, xuất nhập cảng, đầu tư nước ngoài, và việc gia nhập WTO.

Kinh tế quốc nội

Mức tăng trưởng: Sau một thời gian phát triển chậm do ảnh hưởng của cải tổ tri trị và cuộc khủng hoảng tài chính ở Á châu, kinh tế của Việt-Nam tiếp tục tăng trưởng khả quan. Tổng sản phẩm nội địa (Gross domestic product - GDP) đã tăng từ mức 6.8% vào năm 2000 lên đến 7.7% vào năm 2004, và 7.8% trong năm 2005 theo dự đoán sơ khởi.¹ Những động cơ chính của sự phát triển này là nhu cầu tiêu thụ trong nước, xuất cảng, và đầu tư nước ngoài. Về phương diện sản xuất, mức tăng trưởng kinh tế cao nhờ sự bành trướng của hai khu vực công nghệ và dịch vụ. Trong khi đó mức tăng trưởng của khu vực nông nghiệp bị ảnh hưởng xấu của hạn hán, bệnh cúm gà và giá nguyên liệu nhập cảng tăng bao gồm xăng và thép. Hạn hán không những làm thiệt hại hoa màu tại cao nguyên và miền nam trung phần mà còn làm cho nước biển lấn ngược vào nội địa của đồng bằng sông Cửu Long. Do đó chỉ tiêu tăng trưởng do nhà nước ấn định là 8-8.5% cho năm 2005 khó có thể đạt được.

Theo dự đoán, mức tăng trưởng trong năm 2006 sẽ giảm xuống còn 7%.² Một phần vì những biện pháp hạn chế tín dụng của ngân hàng trung ương để chống lạm phát và cạnh tranh của Trung Quốc trên thị trường quốc tế về quần áo sau khi chế độ hạn ngạch về ngành dệt may được bãi bỏ đối với những nước hội viên của WTO.

Lợi tức trung bình đầu người của Việt-Nam là US\$530 cho năm 2005. Do đó tuy kinh tế phát triển khả quan trong khoảng 6.8%-7.7% trong 5 năm vừa qua, Việt-Nam vẫn là một trong những nước có lợi tức thấp nhất trên thế giới. Việt-Nam vẫn tiếp tục tụt hậu so với nhiều nước láng giềng như Trung Quốc, Thái Lan, Nam Dương và Nam Hàn ngay cả sau khi chiến tranh chấm dứt. Vào năm 1950, lợi tức trung bình của Việt-Nam gấp rưỡi Trung Quốc (150%), và vào khoảng 85.5% của Nam Hàn. Ngày nay Việt-Nam chỉ bằng nửa Trung Quốc và 14.1% của Nam Hàn. Sự tụt hậu này giảm bớt đôi chút từ sau 1997 so với Thái Lan và Indonesia vì kinh tế của hai nước này bị thiệt hại nặng nề bởi cuộc khủng hoảng kinh tế Á châu (Biểu đồ 1 và 2).



Cơ cấu kinh tế: Kể từ khi kế hoạch “Cởi Trói” bắt đầu được thi hành vào năm 1986, khu vực phi chính phủ gia tăng từ 62.4% lên đến 70.8% vào năm 1991, sau đó lại giảm xuống 61.7% vào năm 2002.³ Ngoài ra, nhà nước còn giữ những phần hùn đáng kể trong những công ty tư nhân và ngoại quốc. Điều này cho thấy rằng Việt-Nam, dưới chế độ kinh tế thị trường theo định nghĩa xã hội chủ nghĩa, vẫn chủ trương duy trì một khu vực nhà nước lớn để “lãnh đạo” nền kinh tế.

Việc cải tổ các xí nghiệp quốc doanh trong 5 năm vừa qua tiến hành rất chậm và trễ hạn kỳ. Vào năm 2001 Việt Nam có khoảng 5,600 doanh nghiệp nhà nước. Theo dự trù con số này sẽ giảm xuống còn 2,000 vào năm 2005, nhưng hiện nay Việt-Nam vẫn còn khoảng 3,400 xí nghiệp quốc doanh.⁴ Một vài điểm cần lưu ý là (1) Phần lớn những xí nghiệp bị dẹp bỏ hay cổ phần hóa là những công ty nhỏ; (2) Một số xí nghiệp quốc doanh sát nhập lại; và (3) Cho tới nay chỉ có rất ít xí nghiệp quốc doanh lớn được cổ phần hóa.

Tài nguyên quốc gia ưu tiên dành cho các doanh nghiệp nhà nước mặc dù phần lớn những doanh nghiệp này bị lỗ và hiệu năng thấp. Mới đây chính phủ Hà-Nội quyết định dành thêm một ngân quỹ US\$673 triệu để cứu nguy 5 ngân hàng thương mại của nhà nước có thể vỡ nợ gồm Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (Agribank), Ngân Hàng Ngoại Thương Việt-Nam (Vietcombank), Ngân Hàng Công Thương Việt-Nam (Incombank), Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển (BIDV), và Ngân Hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (MHB).⁵ Vì cho các doanh nghiệp nhà nước vay bù bãi theo chỉ thị của nhà nước nên các ngân hàng này có nhiều nợ xấu và trở nên thiếu vốn dự trữ.

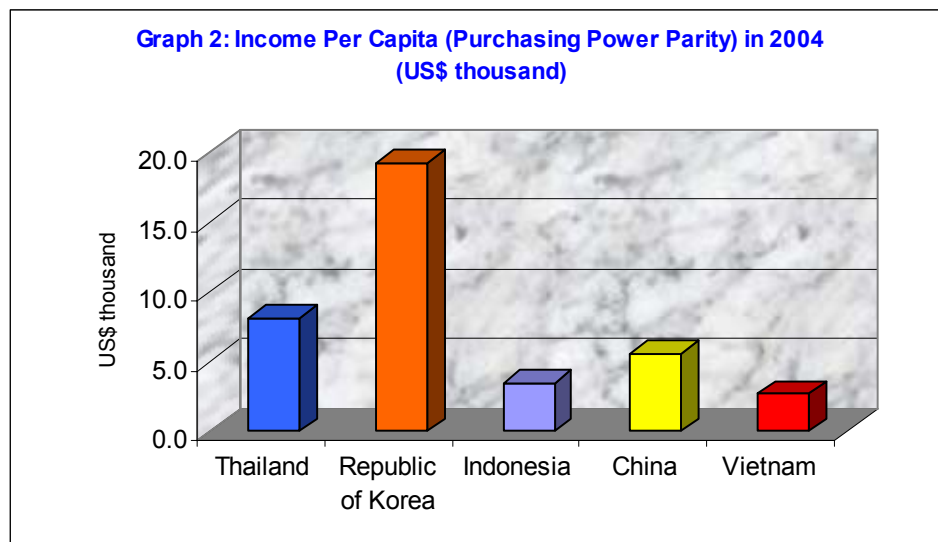
Chính sách ưu đãi doanh nghiệp nhà nước làm thiệt hại khu vực tư nhân và kìm hãm sự phát triển của cả nước. Mặc dù vậy, khu vực tư nhân và khu vực đầu tư nước ngoài tăng trưởng cao hơn khu vực nhà nước nhờ hiệu năng cao. Trong 5 tháng đầu của năm 2005, khu vực công nghệ tư nhân và đầu tư nước ngoài tăng trưởng lần lượt 24.4% và 13.1% so với 10.4% của khu vực nhà nước.

Theo cuộc điều nghiên mới nhất của Heritage Foundation và Wall Street Journal phổ biến vào đầu năm 2005, Việt-Nam được xếp vào hạng 137 trong 161 theo chỉ số tự do kinh tế (Index of Economic Freedom) và nằm trong nhóm các nước mà nền kinh tế phần lớn bị chính phủ chỉ huy

(mostly unfree).⁶ Việt-Nam bị đánh giá thấp nhất trong những lãnh vực sau đây: chính sách ngoại thương, quyền sở hữu trí tuệ, và luật pháp. Nhờ những cải tổ trong 10 năm qua, chỉ số tự do kinh tế của Việt-Nam đã được cải thiện từ 4.60 vào năm 1995 thành 3.83 vào năm 2005 (5 là hoàn toàn bị chỉ huy như Bắc Hàn và Cuba và 1 là hoàn toàn tự do như Tân Gia Ba và Hồng Kông). Nếu tiếp tục theo chiều hướng cải tổ này, Việt-Nam cần 15 năm nữa mới có một nền kinh tế phần lớn được tự do (mostly free) như Thái Lan, Mã Lai, Đài Loan, Nam Hàn và Kampuchea. Tuy nhiên việc gia nhập WTO sẽ giúp Việt-Nam rút ngắn thời gian này lại.

Tình trạng nghèo đói: Nhờ kế hoạch “Cởi Trói” bắt đầu từ năm 1986 và tiếp tục cải tổ kinh tế sau cuộc khủng hoảng tài chánh Á châu 1997-1999, mức nghèo đói của Việt-Nam đã giảm một cách đáng kể, từ 70% vào năm 1986, xuống 58.1% vào năm 1993, và 28.9% vào năm 2002.⁷ Con số mới nhất là 11% trong năm 2003.⁸ Theo tiêu chuẩn mới áp dụng từ năm 2005, tỉ lệ nghèo ở thành thị trong năm 2005 là 8.4%, so với nông thôn là 23.2% và vùng núi là 45.9%.⁹

Mặc dù số người nghèo đói của cả nước giảm, nhưng khoảng cách sai biệt giữa giai cấp giàu và nghèo trong xã hội mỗi ngày một gia tăng. Một trong những lý do là những cuộc cải tổ và phát triển kinh tế, nhất là những dự án đầu tư ngoại quốc vào công nghệ, thường tập trung tại các khu vực thành thị, do đó nông thôn, nơi đa số người nghèo sinh sống, không được hưởng sự phát triển kinh tế đồng đều. Lợi tức của nông thôn không tăng bằng khu vực thành thị. Sai biệt giàu nghèo ngày càng lớn. Theo Tổng cục Thống kê Việt-Nam, lợi tức trung bình của một người ở nông thôn thấp hơn thành thị khoảng 3.7 lần, cách xa mức nghèo tối thiểu là US\$1/ngày. Kết quả của cuộc điều nghiên của Tổng cục Thống kê Việt-Nam vào năm 2002 cho thấy lợi tức của nhóm người thuộc 10% giàu nhất gấp 12.5 lợi tức của nhóm người thuộc 10% nghèo nhất ở Việt-Nam.¹⁰



Nạn lạm phát: Mức lạm phát tính theo chỉ số tiêu thụ đã nhảy vọt từ 3.8% và 3.1% vào hai năm 2002 và 2003 lên đến 7.8% trong năm 2004. Trong 6 tháng của năm 2005, mức lạm phát giảm đối chút so với nửa sau của năm 2004. Tuy nhiên mức lạm phát sẽ ở vào khoảng 7.8% cho cả năm 2005. Lý do của lạm phát là giá dầu và thực phẩm tăng đáng kể. Phần khác là nhu cầu tiêu thụ trong nước và mức tín dụng gia tăng quá mức. Số liệu mới nhất cho thấy vào tháng 10, 2004 mức tăng trưởng tín dụng ước tính cho cả năm là 36%. Vào tháng 2/2005 Ngân Hàng Nhà Nước Việt-Nam buộc phải tăng lãi suất cho vay căn bản (prime lending rate) từ 7.5% lên đến 7.8% lần đầu tiên kể từ tháng 5/2003. Ngoài ra Ngân Hàng Nhà Nước Việt-Nam giảm bớt mức tín dụng bằng cách nâng cao mức tiền Việt-Nam và Mỹ kim dự trữ của ngân hàng.¹¹ Theo dự đoán, mức lạm phát sẽ giảm xuống khoảng dưới 6% trong năm 2006 nhờ những biện

pháp này. Ngược lại, nhà nước phải tăng giá xăng nội địa và chuyên chở cho phù hợp với giá thị trường quốc tế và giảm bớt ngân sách thiếu hụt.

Sản xuất công nghệ: Động cơ chính làm gia tăng tổng sản phẩm nội địa là công nghệ. Mức tăng trưởng hàng năm của khu vực công nghệ giữ ở mức 16% trong hai năm 2003 và 2004. Tuy nhiên mức tăng trưởng trong năm 2005 và 2006 theo dự đoán sẽ lần lượt giảm xuống còn 14.8% và 11.4%. Một trong những lý do là trị giá hàng may dệt xuất cảng sẽ giảm vì chế độ hạn ngạch được hủy bỏ đối với những nước hội viên của WTO như Trung Quốc. Trong khi đó chưa phải là hội viên Việt-Nam vẫn phải nằm dưới quy chế này. Do đó Việt-Nam phải trả thêm lệ phí hạn ngạch và chỉ được bán tới một số lượng đã hạn định. Lý do thứ hai là Việt-Nam tăng sản xuất dầu thô 14% trong năm 2004 lên đến trên 20 triệu tấn, nhưng sẽ giảm bớt sản xuất dầu thô trong năm 2005 để kéo dài thời gian hoạt động của các giếng dầu. Do đó, trong 5 tháng đầu của năm 2005, số lượng dầu thô giảm 12%.

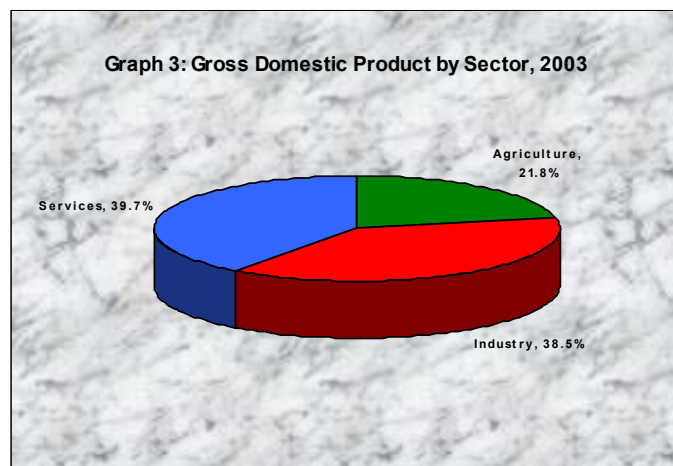
Nhờ nhà máy Côn Sơn mới hoạt động, mức sản xuất hơi đốt của Việt-Nam trong năm 2004, tăng vọt lên 6.3 tỉ thước khối, gấp đôi mức sản xuất của năm 2003. Số lượng sản xuất hơi đốt sẽ tiếp tục gia tăng trong 2005 nhưng ở mức thấp hơn.

Hiện nay Việt-Nam có 3 dự án lọc dầu. Nhà máy Dung Quất ở Quảng Ngãi dự trù sẽ bắt đầu sản xuất vào năm 2007 sau nhiều khó khăn và tai tiếng. Nhà máy thứ hai ở Phú Yên trị giá US\$400 triệu, có khả năng lọc 4 triệu tấn dầu thô hàng năm và sẽ do Nga bỏ vốn và quản trị 100%. Ngày khởi công xây cất của nhà máy Phú Yên chưa ấn định. Nhà máy thứ ba Nghi Sơn ở Thanh Hóa có khả năng biến chế 7 triệu tấn dầu thô và được dự trù khởi công xây cất vào năm 2006.

Những phát triển tích cực khác trong lãnh vực công nghệ là sản xuất phân hoá học: Nhà máy Phú Mỹ dùng hơi đốt thiên nhiên sản xuất được khoảng 740,000 tấn urea và 423,000 tấn ammonia. Ngoài ra sản xuất gia tăng trong 5 tháng đầu của năm 2005 về các ngành lắp ráp xe hơi (23%), xe gắn máy (17%) và thép cuộn (20%).

Mức sản xuất của những ngành sau đây giảm trong 5 tháng đầu của năm 2005: quần áo vì chế độ hạn ngạch (-10%); đường vì hạn hán (-25%); xe đạp vì luật chống bán phá giá của Liên Hiệp Âu châu (-11%).

Sản xuất nông nghiệp: Sau khi nhà nước bãi bỏ chính sách chỉ huy và sản xuất tập thể, ngày nay nông nghiệp Việt-Nam đã thực hiện được kế hoạch đa canh. Thay vì chỉ tập trung một số hoa màu cổ truyền với nhiều rủi ro liên quan đến giá cả và thời tiết, nông dân được tự do trồng đủ loại hoa màu, cây ăn trái và kỹ nghệ với lợi tức cao hơn. Mức tăng trưởng hàng năm của khu vực nông nghiệp giữ ở mức 3.3% và 3.5% trong hai năm 2003 và 2004.



Mức tăng trưởng của khu vực nông nghiệp trong năm 2005 và 2006 theo dự đoán sẽ là 2.2 % và 3.2%. Hạn hán giảm mức sản xuất của một số hoa màu chính như cà phê, mía, và gạo. Do đó mức sản xuất đường dự đoán cũng sẽ giảm từ 1.2 triệu tấn vào mùa trước xuống còn 1.1 triệu tấn cho mùa 2005/06.¹² Rút kinh nghiệm của những năm trước, Việt-Nam đã thành công vào đầu năm 2005 trong việc ngăn chặn có hiệu quả dịch cúm gà bằng cách áp dụng nhiều biện pháp khác nhau, kể cả việc bồi thường tương xứng (50-75% thiệt hại) cho nông dân để khuyến khích dân chúng báo cáo dịch cúm gà. Tuy nhiên, dịch cúm đã gây một số thiệt hại kinh tế trong năm 2005.

Sản xuất dịch vụ: Khu vực dịch vụ chiếm tỉ lệ cao nhất 39.7% của GDP trong năm 2003. Tiếp theo là khu vực công nghệ với 38.5% và nông nghiệp với 21.8% (Biểu đồ 3). Dịch vụ ngày càng chiếm vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế. Tuy nhiên khu vực dịch vụ của Việt-Nam còn rất yếu kém từ lĩnh vực ngân hàng, viễn thông, quảng cáo, bảo hiểm, phân phối, cho đến chuyên chở

Trái lại, ngành du lịch của Việt-Nam hiện nay có nhiều triển vọng nhất. Sau khi bị thiệt hại về bệnh SARS vào năm 2003, kỹ nghệ du lịch đã hồi phục lại. Số người ngoại quốc đến Việt-Nam tăng từ 2.4 triệu vào năm 2003 lên đến 2.9 triệu vào năm sau. Số người đến từ Trung Quốc chiếm 27%, và đến từ Hoa-Kỳ, Đài Loan, Nhật Bản và Đại Hàn chiếm khoảng 8-9% mỗi nơi trong năm 2004. Sau thiên tai tsunami tại vùng biển Ấn Độ Dương, số du khách đến Việt-Nam tăng một cách đáng kể. Theo số thống kê về 5 tháng đầu của năm 2005, số du khách đến Việt-Nam gia tăng 1.4 triệu trên căn bản cho cả năm. Trong năm 2004 có khoảng 400,000 người Việt ở hải ngoại về thăm Việt-Nam. Con số này dự đoán sẽ tăng lên đến 500,000 người vào năm 2005.¹³ Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư dự đoán rằng vào năm 2010 sẽ có khoảng 6 triệu du khách đến thăm Việt-Nam và mang lại một lợi tức là khoảng US\$4.4 tỉ.¹⁴

Sau khi trở thành hội viên của WTO, người ta tiên đoán rằng khu vực dịch vụ sẽ mở rộng cửa thêm cho đầu tư nước ngoài. Do đó, mức sản xuất của khu vực dịch vụ sẽ phát triển mạnh mẽ và sẽ tạo nhiều việc làm, bù vào sự giảm sút ở khu vực nông nghiệp và các ngành công nghệ có năng suất thấp. Tuy nhiên, Việt-Nam sẽ không có đủ kỹ thuật, kinh nghiệm, cũng như vốn để có thể cạnh tranh hữu hiệu trong khu vực dịch vụ đối với giới đầu tư nước ngoài.

Ngoại Thương

Xuất nhập cảng: Những hàng xuất cảng chính của Việt-Nam liệt kê theo thứ tự giá trị lợi tức gồm có: dầu thô, hàng dệt may, giày dép, hải sản, gạo, đồ gỗ, dụng cụ điện tử và điện toán, cà phê, dây điện và dây cáp, cao su, hạt điều, và đồ nhựa. Thị trường xuất cảng của Việt-Nam gồm có Hoa-Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Úc Châu, Tân Gia Ba, Đức, và Anh quốc.

Việt-Nam nhập cảng những hàng chính sau đây: Máy móc và phụ tùng, dầu hỏa và các chế phẩm, sắt, da và hàng dệt, quần áo, máy móc điện tử và điện toán, đồ nhựa, xe hơi và phụ tùng, hóa chất, xe gắn máy và phụ tùng, gỗ, và phân bón. Thị trường nhập cảng của Việt-Nam gồm có Trung Quốc, Đài Loan, Tân Gia Ba, Nhật Bản, Đại Hàn, Thái Lan, và Mã Lai.

Kể từ năm 2002, Việt-Nam nhập cảng nhiều hơn là xuất cảng vào khoảng US\$2 tỉ mỗi năm trong 3 năm vừa qua. Con số thiếu hụt này sẽ tăng lên đến khoảng US\$2.8 tỉ vào năm 2005 với trị giá xuất cảng là US\$27.5 tỉ so với trị giá nhập cảng là US\$30.3.¹⁵ Con số này không kể chi phí chuyên chở ước tính vào khoảng US\$6 tỉ (khoảng 20% trên trị giá hàng nhập cảng). Cán cân thương mại bị thiếu hụt vì Việt-Nam nhập cảng nhiều máy móc và nhập liệu sản xuất (production inputs), qua những công ty có vốn đầu tư nước ngoài, trong giai đoạn phát triển các ngành công nghệ và cơ giới hóa các ngành sản xuất. Con số này dự đoán sẽ tăng trong năm 2006 khi Việt-Nam hạ thuế nhập cảng theo luật của Vùng Thương Mại Tự Do của Tổ Chức Các Nước Đông Nam Á (ASEAN Free Trade Area). Ngoài ra phải kể thêm với lợi tức của những công ty đầu tư ngoại quốc chuyển về nước.

Sự thiếu hụt này hiện nay được tài trợ bởi vốn đầu tư nước ngoài, tiền vay và trợ giúp của các cơ quan tài trợ quốc tế. Quan trọng hơn hết là số tiền lớn của người Việt ở hải ngoại gửi về. Trong năm 2004, số tiền này lên đến US\$3 tỉ.¹⁶ Nếu cán cân thương mại thiếu hụt ngày càng lớn thêm và kéo dài sẽ là một gánh nặng cho Việt-Nam. Hậu quả là lạm phát và nợ nước ngoài sẽ gia tăng và sẽ gây trở ngại cho sự phát triển, nếu xuất cảng không tăng trưởng kịp với đà nhập cảng.

Trong năm vừa qua Việt-Nam bị hai vụ kiện bán phá giá về tôm đông lạnh ở thị trường Hoa-Kỳ và xe đạp ở thị trường Liên Hiệp Âu châu (LHAC). Hậu quả là trị giá tôm của Việt-Nam xuất cảng qua Mỹ giảm 30% trong năm 2004 so với 2003. Vào cuối năm 2004, Bộ Thương Mại Hoa-Kỳ đã chính thức quyết định giảm thuế chống phá giá đối với tôm Việt-Nam từ đề nghị đầu tiên là 12.1-93.1% xuống còn 4.1-25.8%. Do đó tôm Việt-Nam xuất cảng sang Hoa-Kỳ hi vọng sẽ tăng trong năm 2005.

Theo thống kê của LHAC, trong vài năm vừa qua số xe đạp của Việt-Nam xuất cảng sang LHAC gia tăng nhanh chóng, từ 267,000 đơn vị vào năm 1999 lên đến 1.3 triệu vào năm 2003.¹⁷ LHAC quyết định áp dụng thuế 34.5% chống phá giá vào xe đạp xuất cảng từ Việt-Nam, bắt đầu có hiệu quả từ ngày 15.7.2005.¹⁸ Nội gương LHAC, Canada vào đầu năm 2005 đã khởi sự điều tra xem Việt-Nam có bán phá giá xe đạp vào Canada hay không và dự trù sẽ công bố kết quả của cuộc điều tra vào cuối tháng 8/2005.

Đầu tư nước ngoài: Nhờ môi trường đầu tư được cải thiện, đầu tư nước ngoài đã gia tăng đáng kể từ năm 2001 với số tiền tháo khoán là US\$1.1 tỉ lên đến US\$2.1 vào năm 2004. Tuy nhiên mức đầu tư này chưa đạt được các con số US\$2.3 tỉ vào năm 1995 trước khi có cuộc khủng hoảng tài chính Á châu. Các nguồn vốn đầu tư nước ngoài chính là Tân Gia Ba, Đài Loan, Đại Hàn, Nhật Bản, Hong Kong, British Virgin Islands, Pháp, Mã Lai, và Hoa-Kỳ.

Những dự án đầu tư nước ngoài hoạt động tại 61 tỉnh và thành phố trên toàn quốc. Tuy nhiên trên một nửa số dự án (58%) và một nửa vốn đầu tư nước ngoài (50%) tập trung tại vùng kinh tế ở miền Nam gồm ba tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Saigon. Sau đó là các nơi như Hà-Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh với 26% của tổng số dự án và 27% của tổng số vốn.¹⁹ Khuynh hướng này từ 2003 đến nay không thay đổi.²⁰

Gia nhập WTO: Việt-Nam có rất ít hy vọng được vào WTO trong năm 2005. Muốn đạt được mục tiêu như vậy, Việt-Nam phải hoàn tất những cuộc thương thuyết song phương trước ngày 15.9.2005 để có thể tiến hành cuộc thương thuyết đa phương cuối cùng (thứ X). Nếu mọi cuộc thương thuyết kể trên thành công, Việt-Nam mới có thể sẵn sàng gia nhập WTO khi Đại Hội Đồng của tổ chức này họp tại Hồng Kông vào tháng 12/ 2005. Tính đến 23/8 Việt-Nam đã hoàn tất hiệp định thương mại song phương trong khuôn khổ WTO với 16 nước là Argentina, Ấn Độ, Brazil, Bulgaria, Canada, Chile, Columbia, Cuba, Đại Hàn, El Salvador, Iceland, Kyrgyzstan, LHAC, Nhật Bản, Singapore, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Sĩ, Trung Quốc, và Uruguay. Trong số 8 nước còn lại phải thương lượng có Hoa-Kỳ, Úc và Tân Tây Lan. Tuy nhiên trong 19 nước mà Việt-Nam đã thương thuyết xong, chỉ có 6 nước chính thức ký hiệp định thương mại song phương với Việt-Nam

Hiện nay Việt-Nam gặp khó khăn nhiều nhất từ phía Hoa-Kỳ, một thị trường xuất cảng quan trọng bậc nhất đối với Việt-Nam. Những đòi hỏi do Hoa-Kỳ đặt ra với Việt-Nam là mở rộng các khu vực viễn thông, dịch vụ nhập cảng, phân phối, ngân hàng, cải tổ môi trường đầu tư và ngoại thương. Ngoài ra Hoa-Kỳ muốn Việt-Nam thực hiện những cam kết về việc ngăn cấm vi phạm những tài sản trí tuệ như sách báo, băng hình, v.v. Theo tổ chức Business Software Alliance, Việt-Nam là một trong những quốc gia vi phạm quyền sở hữu phần mềm điện toán nhiều nhất thế giới với tỉ lệ 95%.²¹ Cuộc điều nghiên của Heritage Foundation và Wall Street Journal đánh giá Việt-Nam thấp nhất trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.²²

Một điều không kém phần quan trọng là Việt-Nam cần phải sửa đổi luật pháp cho minh bạch và phù hợp với tiêu chuẩn của WTO. Vào cuối năm 2003, TS Lê Đăng Doanh, cố vấn của Bộ Kế

Hoạch và Đầu Tư cho biết là Việt-Nam có 94 bộ luật cần phải bổ túc hoặc thay thế. Một số lượng rất lớn, xem ra vượt quá khả năng của Quốc Hội. Ngoài ra còn có vấn đề phẩm chất nữa.²³

Phản ánh mối lo âu của TS Lê Đăng Doanh, vào đầu năm 2005, ông Nguyễn Xuân Thắng, Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Kinh Tế và Chính Trị Quốc Tế của Việt-Nam, cho biết thủ tục làm luật hiện nay rất rườm rà và những giới chức có thẩm quyền cần trên 5 năm mới có thể soạn và phê chuẩn các luật mới cho phù hợp với điều kiện để vào WTO.²⁴

Việt-Nam chỉ thật sự lưu tâm đến việc ký kết hiệp định thương mại với Hoa-Kỳ và gia nhập WTO sau khi Trung Quốc được nhận vào tổ chức này vào năm 2001. Việt-Nam nộp đơn vào WTO từ năm 1995, nhưng mãi đến năm 2001 Đảng CSVN mới chính thức chấp thuận chính sách hội nhập vào nền kinh tế thế giới (Nghị Quyết 7 của Bộ Chính trị), và Việt-Nam mới đệ trình WTO một chính sách đầu tiên về việc mua bán hàng hóa và dịch vụ. Vào năm 2002, Đảng CSVN mới ấn định thời gian gia nhập WTO vào tháng 1, 2005.²⁵ Thông thường các quốc gia cần một thời gian trung bình là 5 năm để hoàn tất thủ tục trở thành hội viên của WTO.²⁶

Gia nhập WTO mang lại nhiều ích lợi cho Việt-Nam như mở rộng thị trường xuất cảng, thu hút thêm nhiều đầu tư nước ngoài, được luật lệ WTO bảo vệ, và cơ hội cải tổ kinh tế nội địa. Nhưng đồng thời Việt-Nam sẽ phải đối phó với nhiều thử thách như cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn, hàng hóa Việt-Nam không được bảo vệ như trước, hàng nhập cảng sẽ xâm nhập thị trường nội địa nhiều hơn, khu vực dịch vụ và canh nông sẽ mở rộng hơn cho đầu tư nước ngoài, v.v... WTO chỉ là công cụ không hoàn hảo. Nó xấu hay tốt tùy thuộc phần lớn vào người sử dụng. Vai trò quan trọng của nhà nước trong việc hoạch định chiến lược gia nhập WTO sẽ định đoạt lời lẽ tổng kết của cuộc hội nhập này.²⁷

Kết luận

Mặc dù Việt-Nam đã thành công một phần trong việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế, việc cải tổ toàn diện còn gặp khó khăn trong một số lãnh vực như xi nghiệp quốc doanh và các ngân hàng thương mại nhà nước. Một mặt Việt-Nam chứng tỏ muốn tiến tới nền kinh tế thị trường qua việc thiết lập trung tâm chứng khoán thứ hai tại Hà-Nội. Trung tâm này đã bắt đầu hoạt động vào tháng 3/2005. Việt-Nam cũng đã đơn giản hóa thủ tục để khu vực tư nhân được bành trướng dễ dàng hơn. Ngoài ra, Quốc Hội Việt-Nam vừa mới ban hành Luật Cạnh Tranh. Luật này bắt đầu có hiệu lực vào tháng 7/2005.

Mặt khác, nhà nước Việt-Nam tỏ ra rất lưỡng lự trong việc từ bỏ quyền kiểm soát và chi phối nền kinh tế. Việc cải tổ các xí nghiệp quốc doanh và các ngân hàng thương mại nhà nước tiến hành rất chậm chạp mặc dù ngày gia nhập WTO không bao xa. Các luật lệ hạn chế đầu tư ngoại quốc chỉ được giảm bớt dần dần. Chính sách tiệm tiến này chỉ làm chậm tiến trình thị trường hóa, cản trở việc phát triển và kéo dài thời gian cần thiết để bắt kịp các quốc gia láng giềng. Việc gia nhập WTO trong năm 2006 sẽ tạo cơ hội để giúp Việt-Nam tiếp tục đẩy mạnh việc cải tổ kinh tế.

Sau giai đoạn cải tổ kinh tế sẽ phải đến giai đoạn cải tổ hành chánh và cơ cấu chính trị, nếu không sự phát triển kinh tế sẽ khựng lại như đã xảy ra trong khoảng thời gian 1998-2000. Sự khác biệt ở giai đoạn đó là Việt-Nam còn có một số biện pháp cải tổ kinh tế chưa thi hành. Càng về sau, sự phát triển càng đòi hỏi nhiều cố gắng gấp bội để đạt được cùng một mức phát triển. Nếu Việt-Nam bây giờ không đạt được mức phát triển 10% thì sẽ không bao giờ đạt được mức đó trong tương lai, ngoại trừ có một phép lạ nào như tự dựng kiểng ra mỏ dầu lớn như ở Saudi Arabia chẳng hạn.

Tham nhũng làm cản trở phát triển và ngăn chặn đầu tư nước ngoài. Theo phúc trình mới nhất của Transparency International phổ biến vào đầu năm 2005, Việt-Nam bị xếp vào hạng thứ 102 trong số 146 nước được điều nghiên về tình trạng tham nhũng.²⁸ Quốc nạn này là hậu quả của một chế độ hành chánh quan liêu và một chế độ chính trị độc đoán. Việt-Nam đã đưa ra một số biện pháp như khai báo tài sản (tháng 3 2004), kiểm tra sổ sách của các công ty (tháng 3 2004), chống rửa tiền (tháng 4 2004), luật chống tham nhũng (tháng 5 2004), nhưng kết quả rất khiêm

tồn. Do đó việc cải tổ hành chính và cơ cấu chính trị là một điều cần thiết. Nó càng được tiến hành sớm càng có lợi cho sự phát triển toàn diện của quốc gia và giúp cho Việt-Nam sớm thoát khỏi cảnh tụt hậu.

Chú thích:

- ¹ IMF, "Vietnam: 2004 Article IV Consultation," IMF Country Report No. 05/148, May 2005.
- ² Economist Intelligence Unit, "Vietnam: Country Report," August 2005.
- ³ IMF, "Vietnam: Selected Issues," IMF Country Report No. 03/381, December 2003.
- ⁴ Asia Pulse, "Vietnam Plans To Equitize 724 State Owned Enterprises This Year," February 25, 2005.
- ⁵ Vietnam News Brief, "State Owned Banks Receive \$25.5 Million For Recapitalization," January 11, 2005.
- ⁶ Heritage Foundation and Wall Street Journal, "2005 Index of Economic Freedom," Washington, DC: January 4, 2005.
- ⁷ Khai Q. Nguyen, "Towards a Sustainable Rural Development Policy For Vietnam," Harvard Asia Quarterly, Fall 2003, Vol. VII, No. 4.
- ⁸ IMF, "Vietnam 2003 Article IV Consultation – Staff Report," Washington, DC August 28, 2003.
- ⁹ Vietnam News Briefs, "Vietnam To Raise Poverty Line," September 13, 2004. Theo đó mức nghèo ở thành thị là 211,000VNĐ/người/tháng (US\$134.4) và ở nông thôn là 183,000 VNĐ (US\$116.6).
- ¹⁰ The Laborer, "Mức chênh lệch Giàu Nghèo ở Việt-Nam là 12.5 lần" (the Rich-Poor Gap in Vietnam is 12.5), reported by the News Forum on 1.5.2003.
- ¹¹ Nhà nước tăng giá bán lẻ xăng khoảng 10% vào tháng 7, 2005.
- ¹² Economist Intelligence Unit, "Vietnam: Country Report," July 5, 2005.
- ¹³ Economist Intelligence Unit, "Vietnam – Country Report," April 2004.
- ¹⁴ Economist Intelligence Unit, "Vietnam: Country Report," July 5, 2005.
- ¹⁵ IMF, "Vietnam: 2004 Article IV Consultation," IMF Country Report No. 05/148, May 2005.
- ¹⁶ Economist Intelligence Unit, "Vietnam – Country Report," April 2004.
- ¹⁷ Vietnam News Briefs, "Vietnam Condemns EC's Investigation Into Bicycle Industry," August 2, 2004.
- ¹⁸ Asia Pulse, "EC Imposes 34.5 Pct Import Tariff On Vietnam's Bikes," July 25, 2005.
- ¹⁹ Ministry of Planning and Investment, "Foreign Investment Policy of Vietnam in the Process of International Economic Integration," Hanoi: June 2003.
- ²⁰ Từ năm 1998 đến tháng 6/2003 Việt-Nam đã chấp thuận 4,560 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký là US\$42.9 tỉ cộng thêm US\$7.8 tỉ từ sự bùng nổ của một số dự án hiện hữu.
- ²¹ Economist Intelligence Unit, "Vietnam: Country Report," July 5, 2005.
- ²² Heritage Foundation and Wall Street Journal, "2005 Index of Economic Freedom," Washington, DC: January 4, 2005.
- ²³ Vietnam Investment Review, "WTO Negotiation Hit By Lagging Legal Reform," October 27, 2003.
- ²⁴ Vietnam News Brief, "Vietnam Needs Foreign Expertise for Law Reforms to Meet WTO's Rules," February 17, 2005.
- ²⁵ Khai Q. Nguyen, "Vietnam's WTO Accession," in the forthcoming book "Vietnam: Development Futures and Globalization," The Edwin Mellen Press, New York: 2006.
- ²⁶ Một trường hợp ngoại lệ là 15 năm đối với Trung Quốc vì có một số quốc gia hội viên chống đối.
- ²⁷ Nguyễn Quốc Khải, "Ảnh Hưởng của Việc Gia Nhập Cơ Quan Thương Mại Thế Giới (WTO) và Nạn Nghèo Đói ở Nông Thôn Việt-Nam," Diễn Đàn Talawas, 12.08.2005
- ²⁸ Transparency International, "Global Corruption Report," Berlin: March 16, 2005.